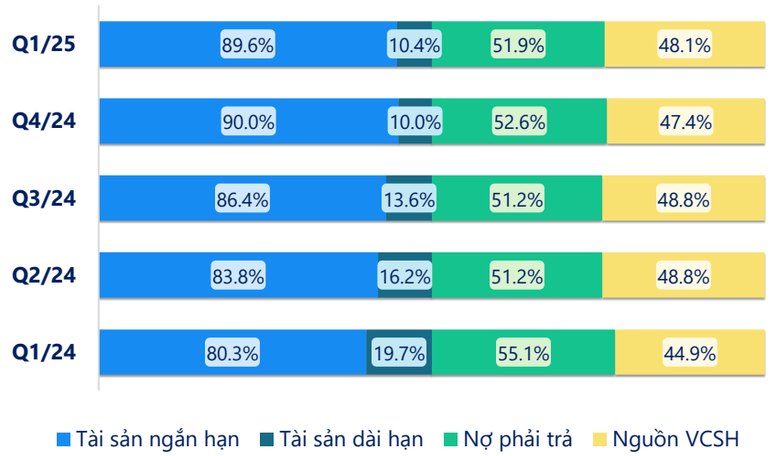
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	19,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
SL cổ phiếu LH	873,140,083
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,222,329
% sở hữu nước ngoài	7.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16,895
P/E	32.4
EPS	596

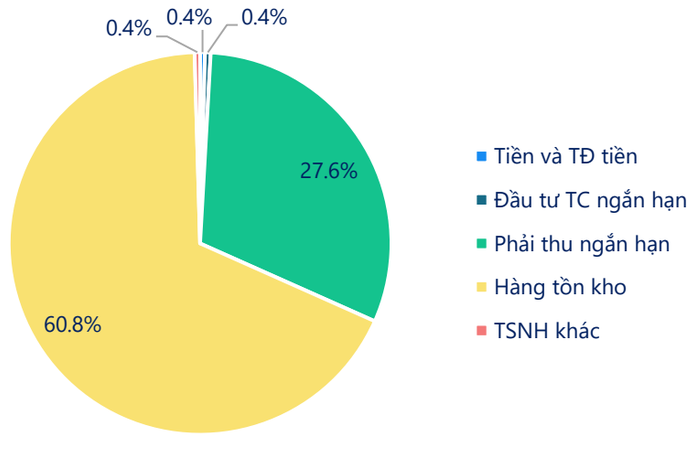
	YTD	1T	3T	6T
PDR	-6.5%	-3.7%	-6.7%	-13.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



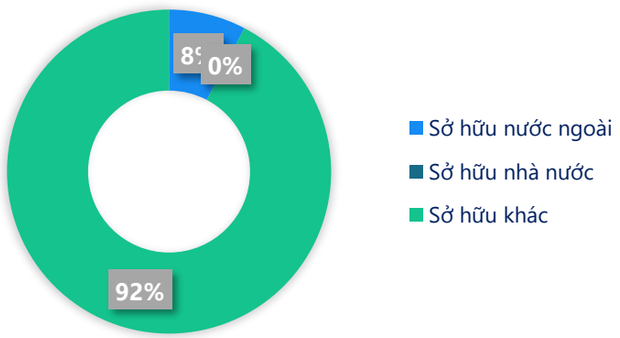
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



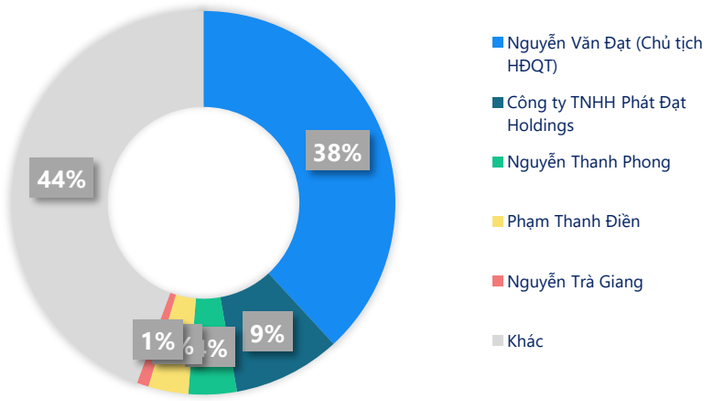
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



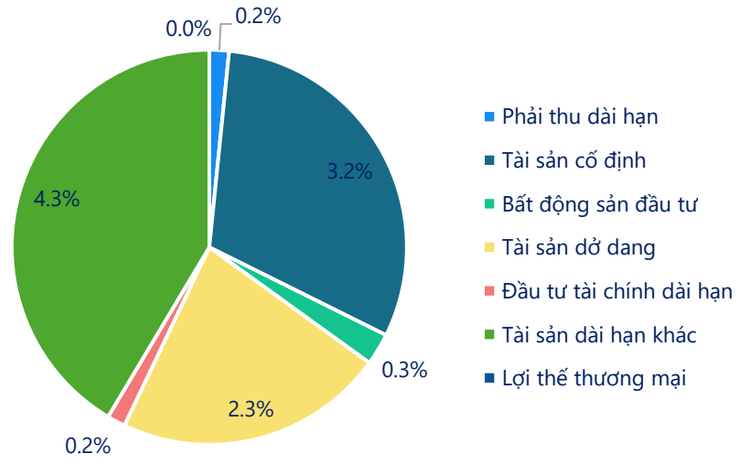
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

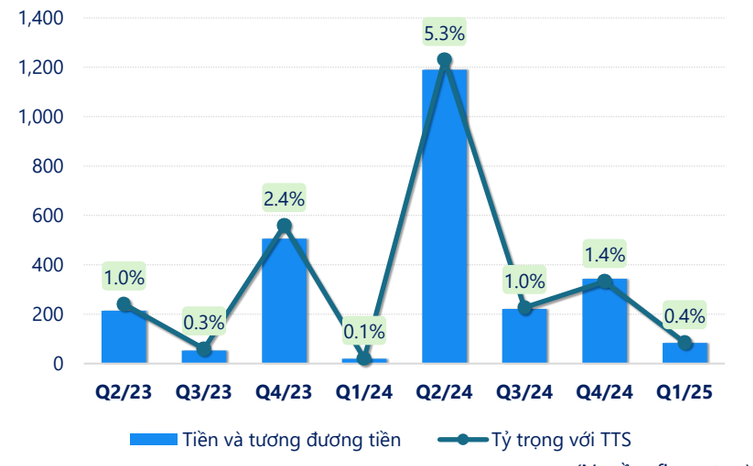


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

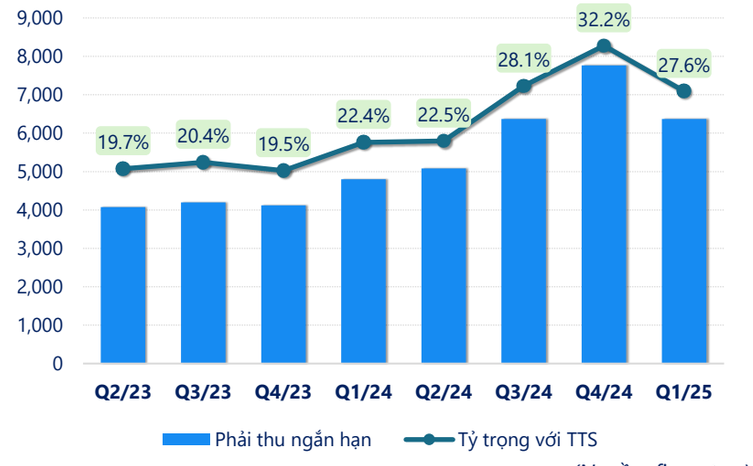
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Tiền và tương đương tiền



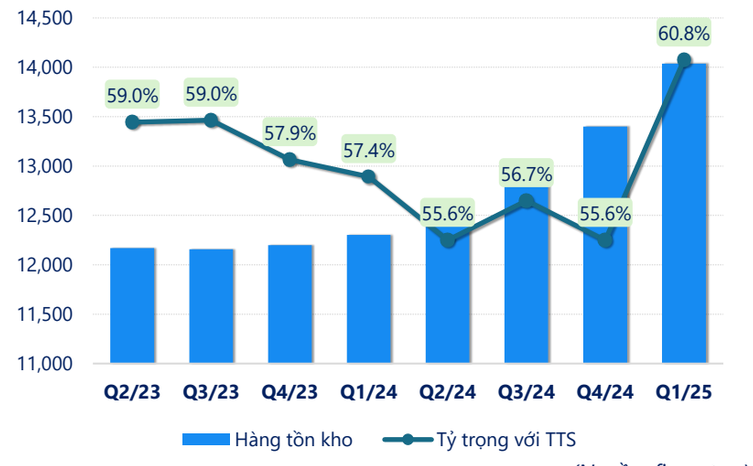
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



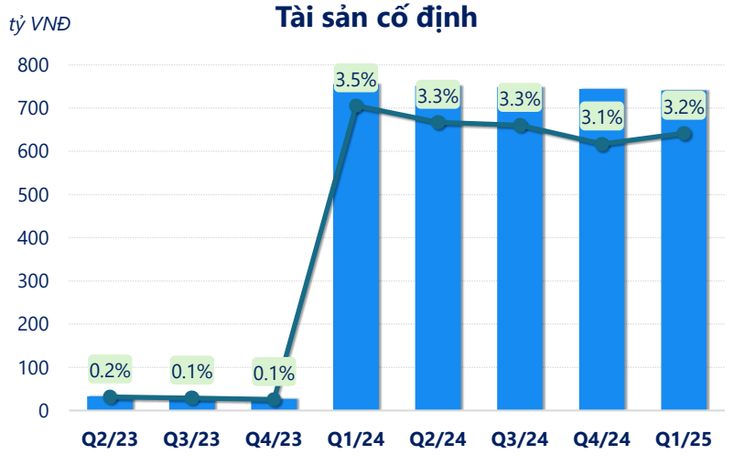
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



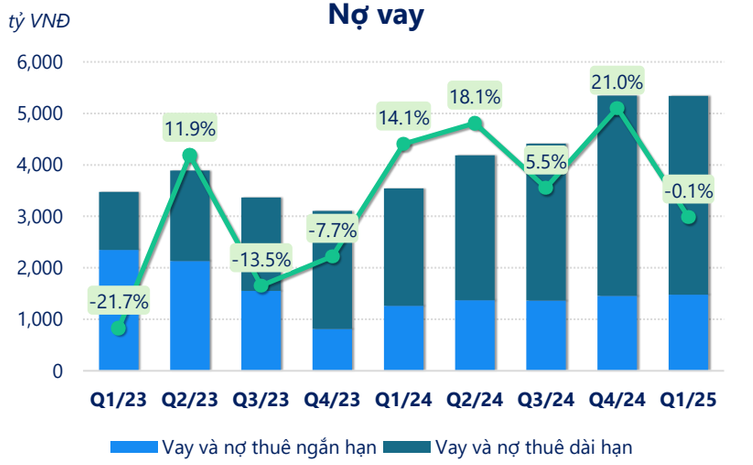
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



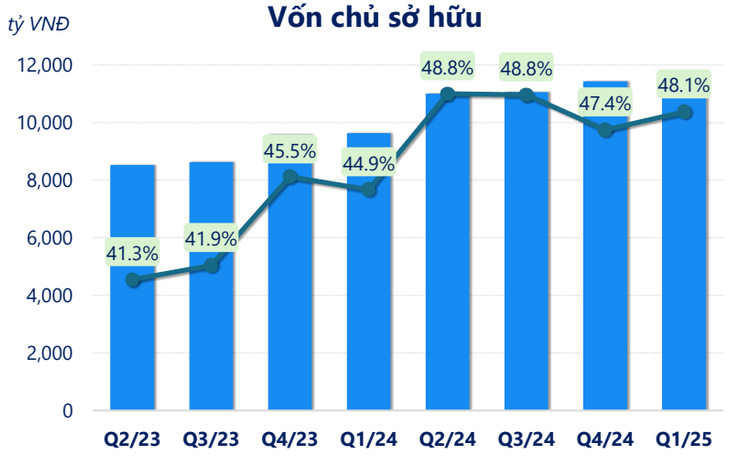
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

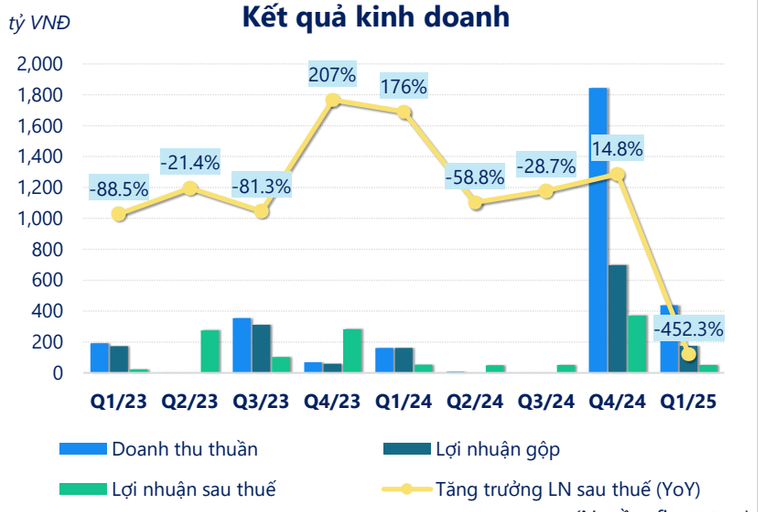


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

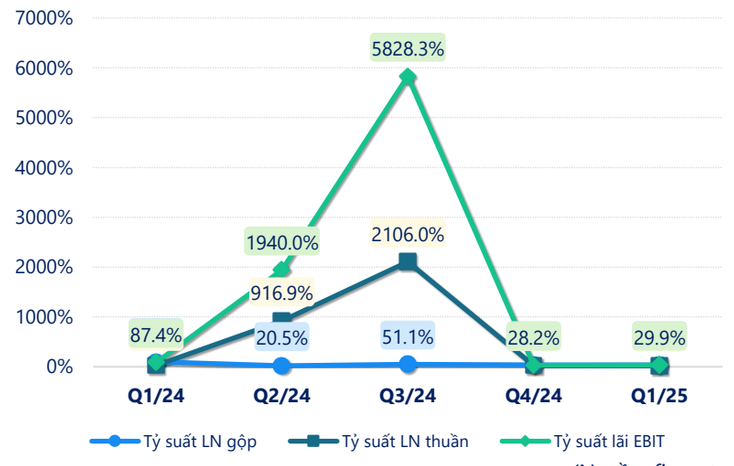
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Kết quả kinh doanh



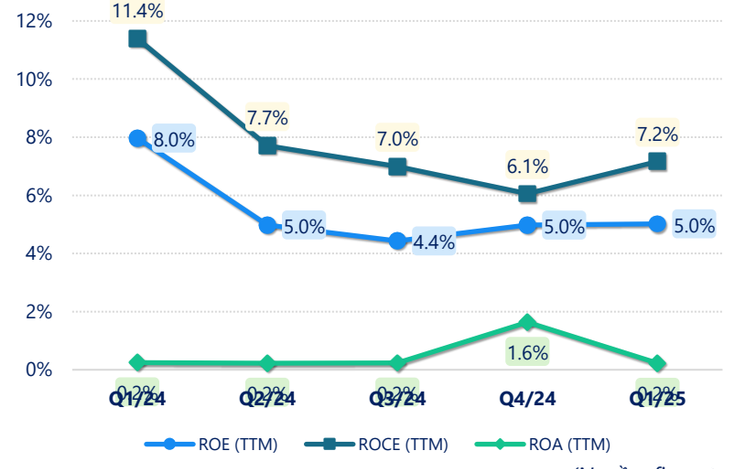
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



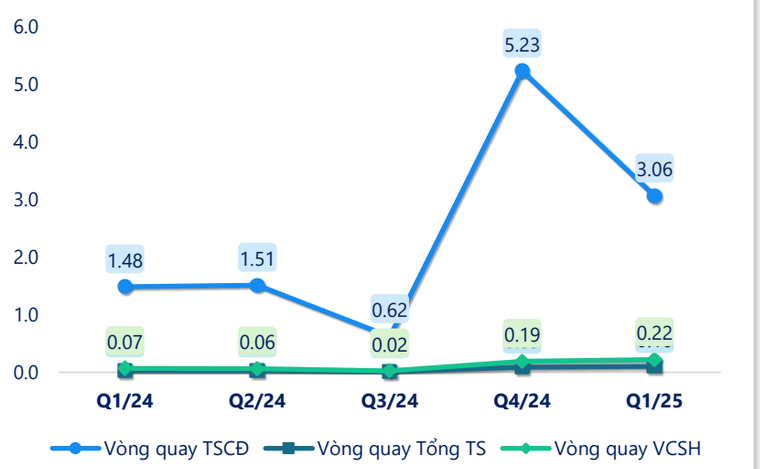
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



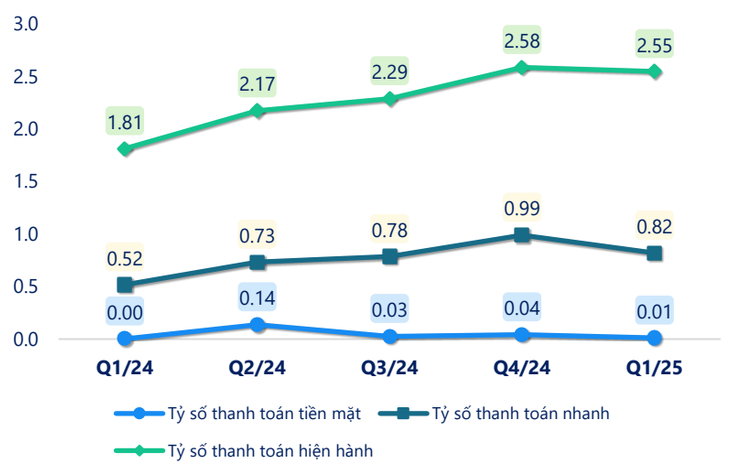
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



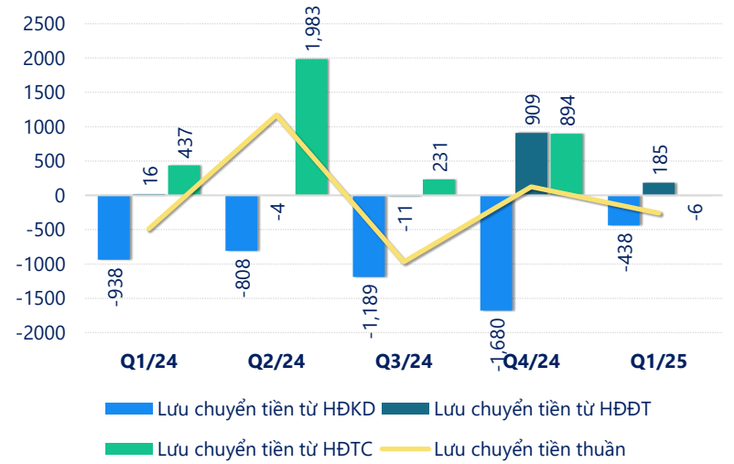
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**23,094**	**23,986**	**-3.7%**
Tài sản ngắn hạn	20,683	21,483	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	84.0	344	-75.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100	115	-13.3%
Phải thu ngắn hạn	6,367	6,861	-7.2%
Hàng tồn kho	14,038	14,078	-0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	94.9	85.2	11.3%
Tài sản dài hạn	**2,411**	**2,503**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	38.7	38.7	0.0%
Tài sản cố định	741	744	-0.4%
Bất động sản đầu tư	62.9	63.2	-0.6%
Tài sản dở dang	533	533	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	35.9	38.0	-5.6%
Tài sản dài hạn khác	**999**	**1,085**	**-8.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11,986	12,927	-7.3%
Nợ ngắn hạn	**8,126**	**8,562**	**-5.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,481	1,383	7.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	182	348	-47.8%
Nợ dài hạn	3,860	4,365	-11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,856	3,961	-2.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,108**	**11,059**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**11,108**	**11,059**	**0.4%**
Vốn điều lệ	8,731	8,731	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	162	8.26	2.63	1,844	438
Giá vốn hàng bán	0.94	6.56	1.28	1,147	263
Lợi nhuận gộp	161	1.69	1.34	697	175
Doanh thu HĐTC	1.14	203	194	3.73	1.88
Chi phí TC	65.5	73.0	74.5	107	67.0
Chi phí lãi vay	65.5	73.0	74.4	72.0	66.8
LN trong công ty LKLD	-7.69	-9.15	-17.2	-15.8	-0.02
Chi phí bán hàng	3.11	2.74	4.33	59.3	6.59
Chi phí QLDN	43.4	43.7	44.0	64.1	38.7
LN thuần từ HĐKD	42.7	75.7	55.3	455	64.6
Lợi nhuận khác	33.6	11.5	23.4	-7.06	-0.38
LN trước thuế	76.3	87.2	78.7	448	64.2
Lợi nhuận sau thuế	52.6	49.8	51.2	369	50.6
LNST của CĐ cty mẹ	52.6	49.7	51.2	369	50.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-938	-808	-1,189	-1,680	-438
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.7	-3.55	-11.0	909	185
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	437	1,983	231	894	-6.37
Tiền đầu kỳ	505	19.3	1,190	221	344
Lưu chuyển tiền thuần	**-486**	**1,171**	**-969**	**123**	**-260**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.3	1,190	221	344	84.0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic